

Số: 27/KH-THCS

Kênh Giang, ngày 16 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH

Tổ chức dạy thêm, học thêm năm học 2024 - 2025

Căn cứ Thông tư số 17/2012/TT-BGDĐT ngày 16/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về dạy thêm, học thêm (Thông tư số 17); Quyết định số 2499/QĐ-BGDĐT ngày 26/8/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố hết hiệu lực các điều: 6, 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 của Thông tư số 17; Quyết định số 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 20/8/2020 của UBND thành phố về việc công bố hết hiệu lực các điều: Điều 5, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14 của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012.

Căn cứ Công văn số /GDĐT-THCS ngày /09/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thủy Nguyên về việc thực hiện các quy định về dạy thêm, học thêm tại các trường THCS năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào thực tế dạy và học của nhà trường, trường THCS Trần Hưng Đạo xây dựng Kế hoạch tổ chức dạy thêm, học thêm năm học 2024-2025 như sau:

I. Mục đích, yêu cầu

Hoạt động dạy thêm, học thêm phải góp phần củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng, giáo dục nhân cách của học sinh; phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và không gây tình trạng vượt quá sức tiếp thu của người học.

Không cắt giảm nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông chính khoá để đưa vào giờ dạy thêm; không dạy thêm trước những nội dung trong chương trình giáo dục phổ thông chính khoá.

Đối tượng học thêm là học sinh có nhu cầu học thêm, tự nguyện học thêm và được gia đình đồng ý; không được dùng bất cứ hình thức nào để ép buộc gia đình học sinh và học sinh học thêm.

Không tổ chức lớp dạy thêm, học thêm theo các lớp học chính khoá; học sinh trong cùng một lớp dạy thêm, học thêm phải có học lực tương đương nhau; khi xếp học sinh vào các lớp dạy thêm, học thêm phải căn cứ vào học lực của học sinh.

Không dạy quá số buổi/môn/tuần theo Quyết định 2050/2012/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm, học thêm. Không dạy thêm, học thêm vào ngày Chủ nhật, Ngày nghỉ lễ theo Luật Lao động.

II. Đối tượng học thêm:

- Tất cả học sinh các khối lớp 6,7,8,9 có nhu cầu được bồi dưỡng, củng cố, nâng cao kiến thức văn hóa, tự nguyện đăng ký và được sự đồng ý của phụ huynh.
- Học sinh và phụ huynh có nhu cầu cho con học Tin học.
- Học sinh được phân loại theo học lực: Tốt, Khá, Đạt, Chưa đạt để xếp lớp như sau:

Khối	Số HS	Lớp	Lớp theo học lực		Tổng	Số HS có đơn	Ghi chú
			Số HS	Số lớp			
6	303	Nâng cao	212	5	295	295	
		Củng cố	83	2			
7	394	Nâng cao	208	5	383	383	
		Củng cố	175	4			
8	312	Nâng cao	127	3	304	304	
		Củng cố	177	4			
9	303	Nâng cao	132	3	294	294	
		Củng cố	162	4			
Tổng	1311		1276	30	1276	1276	

- Số học sinh đăng ký tham gia học Tin học: 394 (có đơn đăng ký của HS và PH)
- Số học sinh được miễn giảm gồm: Hộ nghèo, cận nghèo (có giấy chứng nhận) học sinh có hoàn cảnh khó khăn (có đơn của gia đình).

Khối				Tổng
6	7	8	9	
17	13	15	31	75

III. Địa điểm tổ chức dạy thêm:

- Tại 2 điểm trường THCS Trần Hưng Đạo
 - + Điểm trường Kênh Giang tại địa chỉ: Thôn Chùa Mới, xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng.
 - + Điểm trường Đông Sơn tại địa chỉ: Thôn 2, xã Đông Sơn, huyện Thủy Nguyên
- Phân công phòng học thêm các khối lớp:
 - + Điểm trường Kênh Giang:

Lớp	Phòng học	Lớp	Phòng học
6A	Phòng 16	7G	Phòng 10
6B	Phòng 17	8A	Phòng 5
6C	Phòng 15	8B	Phòng TA
6D	Phòng 18	8C	Phòng Nhạc
7A	Phòng TH	8D	Phòng 11
7B	Phòng 6	9A	Phòng 1
7C	Phòng 7	9B	Phòng 2
7D	Phòng 8	9C	Phòng 3
7E	Phòng 9	9D	Phòng 4
Tin học 7	Phòng Tin học		

+ Điểm trường Đông Sơn:

Lớp	Phòng học	Lớp	Phòng học
6C5	Phòng 10	8C5	Phòng 4
6C6	Phòng 11	8C6	Phòng 5
6C7	Phòng 3	8C7	Phòng 6
7C7	Phòng 1	9C5	Phòng 7
7C8	Phòng 2	9C6	Phòng 8
7C9	Phòng 12	9C7	Phòng 9
Tin học 7	Phòng Tin học		

IV. Nội dung dạy thêm, học thêm:

1. Nội dung dạy tin học

HS nắm vững các thao tác nền tảng trên máy tính như đánh máy, sử dụng Windows, truy cập Internet và bổ sung kiến thức về sử dụng bộ phần mềm Microsoft Office Word, Excel, Powerpoint (*Những nội dung này không nằm trong chương trình học chính khóa của học sinh*).

2. Nội dung về dạy văn hóa

Bổ sung, củng cố, nâng cao kiến thức, kỹ năng...

**Cụ thể:*

Khối	Môn	Học lực	
		<i>Giỏi, khá</i>	<i>Trung bình, yếu</i>
6	Toán Ngữ văn Tiếng Anh	-Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cơ bản, hoàn thiện các kỹ năng, năng lực cho hs	-Ôn luyện củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn các kỹ năng cơ bản cho hs -Bổ sung các kiến thức thiếu - Rèn các kỹ năng cơ bản
7	Toán Ngữ văn Tiếng Anh	-Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cơ bản, hoàn thiện các kỹ năng, năng lực cho hs	-Ôn luyện củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn các kỹ năng cơ bản cho hs -Bổ sung các kiến thức thiếu - Rèn các kỹ năng cơ bản
8	Toán Ngữ văn Tiếng Anh	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cơ bản, hoàn thiện các kỹ năng, năng lực cho hs	-Ôn luyện củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn các kỹ năng cơ bản cho hs -Bổ sung các kiến thức thiếu - Rèn các kỹ năng cơ bản
9	Toán Ngữ văn Tiếng Anh	Bồi dưỡng nâng cao kiến thức cơ bản, hoàn thiện các kỹ năng, năng lực cho hs	-Ôn luyện củng cố các kiến thức cơ bản - Rèn các kỹ năng cơ bản cho hs -Bổ sung các kiến thức thiếu - Rèn các kỹ năng cơ bản

- Chương trình dạy thêm được thống nhất trong nhóm chuyên môn, được BGH ký duyệt, xác nhận trước khi tiến hành dạy thêm, học thêm.

V. Thời gian, thời lượng học thêm:

- Thời gian học thêm: bắt đầu từ tuần 2 tháng 9/2023 đến tuần 1 tháng 5/2024.
- Tổng thời gian học: Khối 6,7,8: 32 tuần; Khối 9: 30 tuần
- Thời gian biểu: Chiều: từ 14h -17h15' các ngày thứ 2, 3, 4, 6
- Thời lượng học các môn văn hóa, tin học của từng khối, lớp:

Khối	Số tiết môn/tuần				số buổi /tuần	Tổng số tiết/tuần	Ghi chú
	Toán	Ngữ văn	T.Anh	Tin học			
6	4	4	2		3	10	
7	4	4	2	2	3	12	
8	4	4	2		3	10	
9	6	6	4		4	16	

V. Thu và sử dụng các khoản đóng góp của người học:

- Số tiền 1 HS phải đóng cho một tiết học thêm là: 9.000đ/tiết.
- Số tiền học thêm 1 HS phải đóng trung bình/tháng cụ thể theo từng khối như sau:

Khối	Môn học	Tổng số tiết/tuần	Số tuần học /tháng	Số tiền/tiết (đồng)	Tổng thu 1 HS/tháng (đồng)
6	Toán, Văn, Anh	10	4	9.000	360.000
7	Toán, Văn, Anh, Tin học	12	4	9.000	432.000
8	Toán, Văn, Anh	10	4	9.000	360.000
9	Toán, Văn, Anh	16	4	9.000	576.000

- Tổng số tiền thu 1 học sinh/tháng, tổng dự thu của nhà trường/tháng và cả năm (8 tháng):

Khối	Tổng số Học sinh thực thu	Tổng số tiết/tuần	Số tiết /tháng	Số tiền /tiết (đồng)	Số tiền HS/tháng (đồng)	Tổng số tiền khối/tháng (đồng)	Tổng số tiền khối/năm (đồng)
6	278	10	40	8,500	340,000	94,520,000	661,640,000
7	370	12	48	8,500	408,000	150,960,000	1,056,720,000
8	289	10	40	8,500	340,000	98,260,000	687,820,000
9	263	16	64	8,500	544,000	143,072,000	1,001,504,000
Tổng:	1200					486,812,000	3,407,684,000

- Phần chi chi tiết/tháng của nhà trường:

1	Công tác quản lý	15%	41,422,200
2	Khấu hao cơ sở vật chất, điện nước	9%	24,853,320
3	Phúc lợi tại đơn vị: hỗ trợ các hoạt động khác, lễ tết, thăm quan,....	6%	16,568,880
4	Chi giáo viên trực tiếp đứng lớp và GVCN	70%	193,303,600
	Tổng dự chi/tháng:		276,148,000

Nơi nhận:

- Phòng GD-ĐT;

- Lưu VT.

Phê duyệt Hiệu Trưởng



Đỗ Anh Dũng

Người lập

Nguyễn Thị Quỳnh Như